

Số: 09/BC-UBND

Minh Tiến, ngày 17 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Thực hiện công văn số 1492/UBND-TNMT về việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023, Ủy ban nhân dân xã báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã năm 2023 theo phụ lục gửi kèm cụ thể như sau:

- 1- Các nguồn ô nhiễm trên địa bàn xã: Phụ lục 1.
- 2- Quản lý chất thải và phế liệu trên địa bàn: Phụ lục 2.
- 3- Thống kê tình hình phát sinh, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn : Phụ lục 3.
- 4- Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Phụ lục 4.
- 5- Hồ sơ môi trường đã được phê duyệt/ cấp trong năm: Phụ lục 5.
- 6- Kết quả thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm trong năm: Phụ lục 6.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác bảo vệ môi trường năm 2023, UBND xã báo cáo UBND huyện, phòng tài nguyên và môi trường huyện năm được chỉ đạo ./.

Nơi nhận:

- Phòng TN&MT huyện / Đề bc
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ngô Văn Quyền

(Kèm theo Báo cáo Số: 09 /BC-UBND ngày 17/01/2024 của UBND xã Minh Tiến)

Bảng 1. Danh mục các phường/xã/thị trấn thuộc huyện

STT	Tên xã	Địa chỉ	Mật độ dân số (người/km ²)	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (m ³ /người/ngày đêm)	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (Số lượng: m ³ /ngày đêm)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (%)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Kết quả quan trắc	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Xã Minh Tiến		996.7	0,04	Có hệ thống xử lý nước thải tập trung khu dân cư		100		100% nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý qua bể phốt, bể tự hoại, hầm biogas...của hộ gia đình trước khi thải trực tiếp ra môi trường

Bảng 2. Danh mục các cụm công nghiệp (viết tắt là CCN)

[illegible]

Bảng 3. Danh mục làng nghề trên địa bàn

[illegible]

Bảng 4. Danh mục các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường

[illegible]

Phụ lục II.
Quản lý chất thải và phế liệu

(Kèm theo Báo cáo Số 09/BC-UBND ngày 17/01/2024 của UBND xã Minh Tiến)

(Áp dụng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngoài khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp)

Bảng 1. Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

TT	Tên	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp hợp vệ sinh/ không hợp vệ sinh, compost, đốt, công nghệ khác..)	Công suất (tấn/ngày)/ Phạm vi tiếp nhận CTRSH	Tình trạng hoạt động (Đang hoạt động/đã đóng cửa..)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
0	0	0	0	0	0	0	0

Bảng 2. Các cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp, đốt, công nghệ khác..)	Công suất (tấn/ngày)	Phạm vi tiếp nhận CTRCNTT	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
0	0	0	0	0	0	0	0

Bảng 3. Các cơ sở xử lý chất thải nguy hại

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy phép xử lý CTNH)	Công suất, công nghệ xử lý chất thải (gồm cả số liệu xử lý CTRSH, CTRCNTT nêu có)	Vùng thu gom, tiếp nhận xử lý CTNH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
0	0	0	0	0	0	0

Bảng 4. Các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn (nếu có)

TT	Tên	Địa chỉ	Đơn vị vận hành	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp, compost, đốt, công nghệ khác..)	Công suất xử lý đối với từng loại CTRSH, CTRCNTT, CTNH (tấn/ngày)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
0	0	0	0	0	0	0

Bảng 5. Các cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (nếu có)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu)	Khối lượng phế liệu nhập khẩu theo từng nhóm phế liệu (Sắt thép, giấy, nhựa, đồng, nhôm...)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
0	0	0	0	0	0

Bảng 6. Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/năm)	Khối lượng xử lý (Tấn/ năm)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/ hóa rắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chất thải rắn sinh hoạt (khu vực nông thôn)	600		600	Chưa có	
2	Chất thải rắn công nghiệp thông thường		0	0	Chưa có	
2.1	<i>CTRCNTT tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất.</i>		0	0	Chưa có	
2.2	<i>Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tiêu hủy (đốt, chôn lấp...)</i>		0	0	Chưa có	
3	Chất thải nguy hại	0,2	0,2	0,2	Chưa có	Gồm vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (được thu gom vào các khoanh cống đựng bao bì thuốc BVTV, xử lý theo quy định.
4	Chất thải y tế nguy hại	0,1	0,1	0,1	Chưa có	Khối lượng chất thải được chuyển lên Trung tâm Y tế huyện để xử lý theo quy định

Phụ lục III.

Thống kê tình hình phát sinh, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn

(Kèm theo Báo cáo Số 09/BC-UBND ngày 17/01/2024 của UBND xã Minh Tiến)

STT	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn (m³/ngày đêm)	Tổng lượng nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (m³/ngày đêm)	Tổng lượng nước thải sinh hoạt được xử lý tại công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường
(1)	(2)	(3)	(4)
Xã Minh Tiến	1.500	Không có	100% nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý qua bể phốt, bể tự hoại, hầm biogas...của hộ gia đình trước khi thải trực tiếp ra môi trường

Phụ lục IV.
Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
(Kèm theo Báo cáo Số 09/BC-UBND ngày 17/01/2024 của UBND xã Minh Tiến)

Bảng 1. Danh mục số lượng và diện tích di sản thiên nhiên, khu bảo tồn, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn

TT	Khu bảo tồn		Di sản thiên nhiên		Hành lang đa dạng sinh học		Cơ sở bảo tồn	
	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích
Xã Minh Tiến	0	0	0	0	0	0	0	0

Bảng 2. Danh mục loài nguy cấp quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ

TT	Tên loài
Xã Minh Tiến	Không có loài thuộc Danh mục loài nguy cấp quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ

Bảng 3. Danh mục các loài đặc hữu

TT	Tên loài
Xã Minh Tiến	Không có loài thuộc Danh mục các loài đặc hữu

Bảng 4. Danh mục các loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN

TT	Tên loài
Xã Minh Tiến	Không có loài thuộc Danh mục các loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN

Phụ lục V.

Hồ sơ môi trường đã phê duyệt /cấp trong năm
(Kèm theo Báo cáo Số 09/BC-UBND ngày 17/01/2024 của UBND xã Minh Tiến)

TT	Tên Dự án	Lĩnh vực	Địa điểm dự án	Số Quyết định phê duyệt	Tên Cơ quan phê duyệt	Ngày ký	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hạ tầng kỹ thuật đấu giá QSD đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng nông thôn mới tại xã Minh Tiến	Đất đai	Thôn Phù Oanh, xã Minh Tiến		UBND tỉnh Hưng Yên		

Phụ lục VI.
Kết quả thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm trong năm 2023
(Kèm theo Báo cáo Số 09/BC-UBND ngày 17/01/2024 của UBND xã Minh Tiến)

TT	Tên cơ sở (Hộ)	Địa chỉ	Số tiền xử phạt vi phạm hành chính	Các vi phạm chính	Ghi chú
1	Vũ Thị Nhung	Xóm Rẻn, Phù Oanh	750.000	Vứt rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định	
2	Nguyễn Hữu Kiên	Kim Phương	750.000	Vứt rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định	
3	Nguyễn Văn Hiếu	Xóm Rẻn, Phù Oanh	125.000	Vứt mẫu thuốc lá không đúng nơi quy định	